



134

**Thành phần/Composition:**

Mỗi viên nang mềm chứa/Each softgel contains:

|                               |      |
|-------------------------------|------|
| Vitamin B1 (Thiamin nitrat)   | 2mg  |
| Vitamin B2 (Riboflavin)       | 2mg  |
| Vitamin B6 (Pyridoxin. HCl)   | 2mg  |
| Vitamin PP (Nicotinamid)      | 10mg |
| Calci (Calci glycerophosphat) | 20mg |

|                                                         |                  |
|---------------------------------------------------------|------------------|
| Vitamin E ( $\alpha$ Tocopheryl acetat)                 | 10IU             |
| Lysin hydroclorid                                       | 30mg             |
| Phospho (Acid glycerophosphoric, Calci glycerophosphat) | 18,2mg           |
| Tá dược vd/ Excipients q.s.f                            | 1 viên/1 Softgel |

HataPluz

Hộp 2 vỉ x 15 viên nang mềm



# HataPluz

HATAPHAR

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng/ Indications, Contraindications, Dosage - Administration: Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp/ See the package insert inside.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM - ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG/ KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN - CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING INSTRUCTIONS BEFORE USE.

**Bảo quản/ Storage:**

Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C./ Store in a dry place, below 25°C.

Tiêu chuẩn/ Specifications: TCCS/ Manufacturer's.

**SDK (Reg.No)**

Số lô SX (Lot.No)

Ngày SX (Mfg. Date):

HD (Exp. Date)

**Sản xuất tại/ Manufactured by:**

CÔNG TY C.P DUỐC PHẨM HÀ TÂY/ HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C  
La Khê - Hà Đông - T.P Hà Nội/ La Khe - Ha Dong - Ha Noi City

HATAPHAR

HataPluz

pluz

Handwritten signature

# HataPlus

HATAPHAR

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm



# HataPlus

# HataPluz

**Thành phần/Composition:**

Mỗi viên nang mềm chứa/Each softgel contains:

|                                                      |               |
|------------------------------------------------------|---------------|
| Vitamin B1 (Thiamin nitrat)                          | 2mg           |
| Vitamin B2 (Riboflavin)                              | 2mg           |
| Vitamin B6 (Pyridoxin HCl)                           | 2mg           |
| Vitamin PP (Nicotinamid)                             | 10mg          |
| Calc (Calc glycerophosphat)                          | 20mg          |
| Vitamin E (α Tocopheryl ester)                       | 10IU          |
| Lysin hydrochlorid                                   | 20mg          |
| Phospho (Acid glycerophosphat, Calc glycerophosphat) | 18,2mg        |
| Tā duop vā Exemptia ca. f.                           | 1 vānā Sotgel |

**Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng/  
Indications, Contraindications, Dosage -  
Administration:** Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc  
bên trong hộp/ See the package insert inside.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM - ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG/ KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN -  
CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING INSTRUCTIONS  
BEFORE USE.

HATAPHAR

Box of 10 blisters of 10 softcapsules



# HataPluz

# HataPluz

**Bảo quản/ Storage:**

Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C.

Store in a dry place, below 25°C

Tiêu chuẩn/ Specifications: TCCS/ Manufacturer's

BOK (Rep.No) :

500 (No. 10)

80 to 84 (1.51.80)

Ngày SX (Mfg. Date):

HC (Exp. Date)

Sản xuất tại/ Manufactured by:  
CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/  
HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C  
Là Khê - Hà Đông - T.P Hà Nội/  
La Khê - Hà Đông - Hà Nội City



**Hướng dẫn sử dụng thuốc  
HATAPLUZ**



- **Dạng thuốc:** Viên nang mềm
- **Qui cách đóng gói:** Hộp 10 vỉ x 10 viên và Hộp 2 vỉ x 15 viên.
- **Công thức bào chế cho 1 đơn vị (1 viên) thành phẩm:** Mỗi viên nang mềm chứa:

|                                                         |      |                                         |        |
|---------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------|--------|
| Lysin hydroclorid                                       | 30mg | Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin nitrat) | 2mg    |
| Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)                     | 2mg  | Vitamin B <sub>6</sub> (Pyridoxin. HCl) | 2mg    |
| Vitamin PP (Nicotinamid)                                | 10mg | Vitamin E (α-Tocopheryl acetat)         | 10IU   |
| Calci (Calci glycerophosphat)                           |      |                                         | 20mg   |
| Phospho (Acid glycerophosphoric, Calci glycerophosphat) |      |                                         | 18,2mg |
| Tá dược vđ                                              |      |                                         | 1 viên |

(Tá dược gồm: Dầu đậu nành, sáp ong trắng, dầu cọ, aerosil, lecithin, glycerin, gelatin, nipagin, nipasol, dung dịch sorbitol 70%, titan dioxyd, ethyl vanilin, gôm arabic, phẩm màu Chocolate, ethanol 96%, nước tinh khiết).

- **Chỉ định:** Bổ sung vitamin, lysin và muối khoáng cho cơ thể. Dùng để phục hồi sức khỏe cho người mới ốm dậy, người bị bệnh mãn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú thiếu vitamin và khoáng chất.

- **Cách dùng và liều dùng: Trung bình:**

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống mỗi lần 1- 2 viên x 2lần/ngày.

- **Chống chỉ định:** Quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

\* **Vitamin PP:** Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.

\* **Calci glycerophosphat:** Tránh dùng kéo dài trên bệnh nhân suy thận, tăng calci máu. Dùng song song với Digoxin.

- **Thận trọng:**

- **Vitamin PP:** Khi sử dụng vitamin PP liều cao cho những trường hợp: Tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, bệnh gút, viêm khớp do gút, bệnh đái tháo đường.

- **Vitamin B<sub>2</sub>:** Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B<sub>2</sub>, khi ngừng thuốc sẽ hết.

- **Vitamin B<sub>6</sub>:** Dùng vitamin B<sub>6</sub> với liều 200mg/ngày và kéo dài có thể làm cho bệnh thần kinh ngoại vi và bệnh thần kinh cảm giác nặng, ngoài ra còn gây chứng lệ thuộc vitamin B<sub>6</sub>.

- **Sử dụng cho phụ nữ có thai và đang cho con bú:** Thuốc dùng được cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

- **Tác dụng không mong muốn của thuốc:**

\* **Vitamin PP:** Liều nhỏ thường không gây độc, nếu dùng liều cao có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau, các tác dụng phụ này sẽ hết sau khi dùng thuốc.

- **Thường gặp:** Tiêu hoá (buồn nôn); Đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rất bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da.

- **Ít gặp:** Tiêu hoá (Loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy); Da (Khô da, tăng sắc tố, vàng da); Chuyển hoá (Suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến, bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm); Tăng glucose huyết, tăng uric huyết, cơn phế vị - huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh, ngất

- **Hiếm gặp:** Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất bình thường, thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ.

\* **Vitamin B<sub>6</sub>:** Dùng liều 200mg/ ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại di chứng. Hiếm gặp: nôn, buồn nôn.

\* **Ghi chú:** "Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".



**- Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:**

\* **Vitamin E:** Vitamin E đối kháng với tác dụng của vitamin K nên làm tăng thời gian đông máu. Nồng độ vitamin E thấp ở người bị kém hấp thu do thuốc (nh kém hấp thu khi dùng cholestyramin).

\* **Vitamin PP:** Sử dụng vitamin PP đồng thời với chất ức chế men khử HGM - CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc chẹn  $\alpha$ -adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.

- Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với vitamin PP.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.

- Không nên dùng đồng thời vitamin PP với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.

\* **Vitamin B<sub>2</sub>:** Đã gặp một số ca "thiếu riboflavin" ở người đã dùng clopromazin, imipramin, amitriptilin và adriamycin. Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột. Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

\* **Vitamin B<sub>6</sub>:** Vitamin B<sub>6</sub> làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenyltoin và phenobarbiton trong máu ở một số người bệnh. Vitamin B<sub>6</sub> có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu Vitamin B<sub>6</sub>.

**- Quá liều và xử trí:**

- Vitamin E (Dùng quá 3000IU/ngày) có thể gây rối loạn tiêu hoá (Buồn nôn, nôn, đầy hơi, đi lỏng, viêm ruột hoại tử).

Khi gặp phải những dấu hiệu và triệu chứng quá liều cần phải ngừng thuốc ngay và đến cơ sở y tế gần nhất.

**- Hạn dùng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng.

\* **Lưu ý:** Khi thấy nang thuốc bị ẩm mốc, dính nang, nhãn thuốc in số lô SX, HD mờ...hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

**-Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C.

**-Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS.

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM**

**"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"**

**Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"**

**THUỐC SẢN XUẤT TẠI: CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY**

**La Khê - Hà Đông- TP. Hà Nội**

**ĐT: 04.33522203-33516101. FAX: 04.33522203**

**CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY**



**Tổng Giám đốc**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**DS. Nguyễn Bá Lai**





## TỜ THÔNG TIN CHO BỆNH NHÂN (PIL)

1. Tên sản phẩm: HATAPLUZ

2. Mô tả sản phẩm: Viên nang mềm, hình thuôn dài, màu nâu. Viên khô cầm không dính tay, bên trong chứa hỗn hợp thuốc lỏng màu vàng nhạt.

3. Thành phần của thuốc: Lysin hydroclorid, vitamin B<sub>1</sub>, vitamin B<sub>2</sub>, vitamin B<sub>6</sub>, vitamin PP, vitamin E, calci, phospho.

4. Hàm lượng của thuốc: Mỗi viên nang mềm chứa:

|                                                         |      |                                         |        |
|---------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------|--------|
| Lysin hydroclorid                                       | 30mg | Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin nitrat) | 2mg    |
| Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)                     | 2mg  | Vitamin B <sub>6</sub> (Pyridoxin. HCl) | 2mg    |
| Vitamin PP (Nicotinamid)                                | 10mg | Vitamin E (α-Tocopheryl acetat)         | 10IU   |
| Calci (Calci glycerophosphat)                           |      |                                         | 20mg   |
| Phospho (Acid glycerophosphoric, Calci glycerophosphat) |      |                                         | 18,2mg |
| Tá dược vđ                                              |      |                                         | 1 viên |

5. Thuốc dùng cho bệnh gì?: Bổ sung vitamin, lysin và muối khoáng cho cơ thể. Dùng để phục hồi sức khỏe cho người mới ốm dậy, người bị bệnh mãn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú thiếu vitamin và khoáng chất.

6. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng: *Trung bình:*

*Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:* Uống mỗi lần 1- 2 viên x 2lần/ngày.

7. Khi nào không nên dùng thuốc này?: Quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

\* *Vitamin PP:* Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.

\* *Calci glycerophosphat:* Tránh dùng kéo dài trên bệnh nhân suy thận, tăng calci máu. Dùng song song với Digoxin.

8. Tác dụng không mong muốn:

\* *Vitamin PP:* Liều nhỏ thường không gây độc, nếu dùng liều cao có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau, các tác dụng phụ này sẽ hết sau khi dùng thuốc.

- *Thường gặp:* Tiêu hoá (buồn nôn); Đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng, buồn hoặc đau nhói ở da.

- *Ít gặp:* Tiêu hoá (Loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy); Da (Khô da, tăng sắc tố, vàng da); Chuyển hoá (Suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến, bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm); Tăng glucose huyết, tăng uric huyết, con phế vị - huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh, ngất

- *Hiếm gặp:* Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng gan bất bình thường, thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ.

\* *Vitamin B<sub>6</sub>:* Dùng liều 200mg/ ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cồng bàn chân đến tê cồng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại di chứng. Hiếm gặp: nôn, buồn nôn.

9. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

\* *Vitamin E:* Vitamin E đối kháng với tác dụng của vitamin K nên làm tăng thời gian đông máu. Nồng độ vitamin E thấp ở người bị kém hấp thu do thuốc (nh kém hấp thu khi dùng cholestyramin).



\* **Vitamin PP:** Sử dụng vitamin PP đồng thời với chất ức chế men khử HGM - CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc chẹn  $\alpha$ -adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.

- Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với vitamin PP.

- Sử dụng vitamin PP đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.

- Không nên dùng đồng thời vitamin PP với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.

\* **Vitamin B<sub>2</sub>:** Đã gặp một số ca "thiếu riboflavin" ở người đã dùng clopromazin, imipramin, amitriptilin và adriamycin. Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột. Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

\* **Vitamin B<sub>6</sub>:** Vitamin B<sub>6</sub> làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenytoin và phenobarbiton trong máu ở một số người bệnh. Vitamin B<sub>6</sub> có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu Vitamin B<sub>6</sub>.

**10. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc?:** Nên tiếp tục uống thuốc theo liều lượng đã hướng dẫn trong tờ thông tin cho bệnh nhân.

**11. Cần bảo quản thuốc này như thế nào?** Để nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C.

**12. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều?**

\* **Vitamin E** (Dùng quá 3000IU/ngày) có thể gây rối loạn tiêu hoá (Buồn nôn, nôn, đầy hơi, đi lỏng, viêm ruột hoại tử).

**13. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo?:** Khi gặp phải những dấu hiệu và triệu chứng quá liều cần phải ngừng thuốc ngay và đến cơ sở y tế gần nhất.

**14. Tên của nhà sản xuất và chủ sở hữu giấy phép đăng ký sản phẩm: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY.**

**15. Những điều cần trọng khi dùng thuốc này:**

- **Vitamin PP:** Khi sử dụng vitamin PP liều cao cho những trường hợp: Tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, bệnh gút, viêm khớp do gút, bệnh đái tháo đường.

- **Vitamin B<sub>2</sub>:** Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B<sub>2</sub>, khi ngừng thuốc sẽ hết.

- **Vitamin B<sub>6</sub>:** Dùng vitamin B<sub>6</sub> với liều 200mg/ngày và kéo dài có thể làm cho bệnh thần kinh ngoại vi và bệnh thần kinh cảm giác nặng, ngoài ra còn gây chứng lệ thuộc vitamin B<sub>6</sub>.

**16. Khi nào cần tham vấn bác sỹ:**

- Khi cần thêm thông tin về thuốc.

- Khi thấy những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

- Khi dùng thuốc mà thấy triệu chứng của bệnh không thuyên giảm.

**17. Ngày xem xét sửa đổi lại tờ thông tin cho bệnh nhân:** Ngày 05 tháng 11 năm 2011.

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2011

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY**

*Chức Tổng Giám đốc*



**CHỨC TỔNG GIÁM ĐỐC**

*10. 5. Bùi Lai*